

**THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG  
BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG XÂY DỰNG  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Công bố kèm theo Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 18/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

1. Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (sau đây gọi tắt là Bảng giá ca máy) quy định chi phí cần thiết cho một ca làm việc của các loại máy và thiết bị thi công xây dựng phổ biến, dùng làm căn cứ để lập đơn giá xây dựng công trình, đơn giá dịch vụ công ích đô thị, đơn giá xây dựng tại địa phương; để các cơ quan liên quan sử dụng, vận dụng, tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ công ích đô thị.

2. Căn cứ xác định bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng:

- Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức và lực lượng vũ trang;

- Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố Định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

- Quyết định số 2256/QĐ-BCT ngày 12/03/2015 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện;
- Công văn số 4288/UBND-CNXD ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh về việc mức lương đầu vào làm cơ sở để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh;
- Thông cáo báo chí số 17/2016/PLX-TCBC của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam công bố giá xăng dầu từ ngày 04/8/2016 (vùng 1).

- Các văn bản khác có liên quan theo quy định.

3. Bảng giá ca máy xác định các loại máy theo thông số kỹ thuật như: Công suất động cơ, dung tích gầu, sức nâng của cần trục,... các thông số kỹ thuật, định mức hao phí được căn cứ theo thông số của thiết bị phổ biến trên thị trường được nêu trong Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 và dữ liệu của Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/05/2010 của Bộ Xây dựng. Đối với máy và thiết bị chưa có trong Quyết định số 1134/QĐ-BXD hoặc dữ liệu của Thông tư số 06/2010/TT-BXD thì được vận dụng loại máy và thiết bị có tính năng, thông số kỹ thuật tương tự.

4. Bảng giá ca máy này áp dụng đối với các loại máy và thiết bị thi công đang được sử dụng phổ biến để thi công các công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong điều kiện làm việc bình thường.

5. Bảng giá ca máy được xác định trên địa bàn khu vực 1 (KV1) đối với các loại máy và thiết bị thi công xây dựng của dự án đầu tư xây dựng; địa bàn Vùng IV đối với các loại máy và thiết bị của công tác dịch vụ công ích đô thị của tỉnh Quảng Ngãi. Giá ca máy trên địa bàn khu vực 2 (KV2), khu vực 3 (KV3), khu vực 4 (KV4) của dự án đầu tư xây dựng; Vùng III của dịch vụ công ích đô thị thì điều chỉnh theo phương pháp bù trừ trực tiếp quy định hiện hành.

6. Giá ca máy trong bảng giá này được xác định theo phương pháp hướng dẫn tại Thông tư số 06/2016/TT-BXD, bao gồm các thành phần chi phí như sau:

6.1. Chi phí khấu hao: Là khoản chi phí về hao mòn của máy, giảm dần giá trị sử dụng và giá trị của máy do tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, do bào mòn của tự nhiên. Chi phí khấu hao được xác định theo hướng dẫn tại điểm 1 mục II Phụ lục số 6 Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.

6.2. Chi phí sửa chữa: Là các khoản chi phí để bảo dưỡng, sửa chữa máy định kỳ, sửa chữa máy đột xuất trong quá trình sử dụng máy nhằm duy trì và khôi phục năng lực hoạt động tiêu chuẩn của máy. Chi phí sửa chữa được xác định theo hướng dẫn tại Điểm 2 mục II Phụ lục số 6 Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.

6.3. Chi phí nhiên liệu, năng lượng trong giá ca máy là khoản chi phí về nhiên liệu, năng lượng tạo ra động lực cho máy hoạt động (*xăng, dầu, điện*) và các loại nhiên liệu phụ như dầu, mỡ bôi trơn, nhiên liệu cho động cơ lai, dầu truyền động. Chi phí nhiên liệu, năng lượng được xác định theo hướng dẫn tại điểm 3 mục II Phụ lục số 6 Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng. Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) dùng để xác định chi phí nhiên liệu, năng lượng trong giá ca máy:

- Xăng E5 RON 92: 12.955 đồng/lít (theo nguồn Petrolimex ngày 04/8/2016, vùng 1);
- Dầu diesel 0,05S: 10.600 đồng/lít (theo nguồn Petrolimex ngày 04/8/2016, vùng 1);
- Điện: 1.622 đồng/kWh (theo Quyết định số 2256/QĐ-BCT ngày 12/03/2015 của Bộ Công thương - Mức giá bán lẻ điện bình quân);
- Hệ số chi phí nhiên liệu phụ cho một ca máy làm việc có giá trị như sau:
  - + Động cơ xăng: 1,01;
  - + Động cơ diesel: 1,02;
  - + Động cơ điện: 1,03.

6.4. Chi phí nhân công điều khiển trong một ca làm việc của máy được xác định trên cơ sở quy định về số lượng, thành phần, nhóm, cấp bậc công nhân điều khiển máy theo quy trình vận hành máy (theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng) và các quy định về đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng tại Công văn số 4288/UBND-CNXD ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh.

- Đối với máy và thiết bị thi công xây dựng công trình: Áp dụng mức lương cơ sở đầu vào Khu vực 1 (KV1) là: 2.300.000 đồng/tháng và hệ số bậc thợ điều khiển máy (theo quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng; Công văn số 4288/UBND-CNXD ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi).

- Đối với máy và thiết bị thi công dịch vụ công ích đô thị: Áp dụng mức lương cơ sở Vùng IV:  $1.150.000 \times 1,5 = 1.725.000$  (đồng/tháng), hệ số bậc thợ điều khiển máy (theo quy định tại Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) và hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương.

- Đối với máy và thiết bị thi công xây dựng công trình khu vực 2 (KV2), khu vực 3 (KV3), khu vực 4 (KV4); máy và thiết bị thi công dịch vụ công ích đô thị Vùng III; giá nhiên liệu, năng lượng tăng hoặc giảm so với giá nhiên liệu, năng lượng trong giá ca máy này thì điều chỉnh chi phí máy như sau:

Chi phí máy (CPM) trong dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu thi công xây dựng, dự toán chi phí khảo sát, dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị (gọi tắt là dự toán) lập theo các Bộ đơn giá phân xây dựng, phân lắp đặt, phân khảo sát xây dựng, dịch vụ công ích đô thị, tham khảo cách tính sau:

$$CPM = CPM^{DG} + \sum_{i=1}^n C_A^i \times [(G_{CMM}^i - G_{CMC}^i) + M_{TL}^i \times (K_{NC} - 1) + M_{NL}^i \times (G_2^i - G_1^i) \times K_P]$$

Trong đó:

- +  $CPM^{DG}$ : Chi phí máy thi công theo các bộ đơn giá đã công bố;
- +  $C_A^i$ : Số ca máy của loại máy thi công thứ i;
- +  $G_{CMM}^i$ : Đơn giá ca máy của loại máy thi công thứ i tại cột 8 Bảng giá ca máy và thiết bị thi công này (giá ca máy mới);
- +  $G_{CMC}^i$ : Đơn giá ca máy của loại máy thi công thứ i đã tính trong các bộ đơn giá đang áp dụng;
- +  $M_{NL}^i$ : Định mức nhiên liệu, năng lượng của loại máy thi công thứ i trong giá ca máy mới;
- +  $M_{TL}^i$ : Hao phí tiền lương thợ điều khiển máy của loại máy thi công thứ i tại cột 7 giá ca máy mới;
- +  $G_1^i$ : Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế VAT) tại thời điểm xây dựng giá ca máy mới;
- +  $G_2^i$ : Giá nhiên liệu, năng lượng (chưa bao gồm thuế VAT) tại thời điểm lập dự toán;
- +  $K_P$ : Hệ số chi phí nhiên liệu, dầu mỡ phụ cho một ca máy làm việc.

TT	Tên nhiên liệu, điện năng	ĐVT	Hệ số nhiên liệu phụ $K_P$	Đơn giá $G_1^i$ (đồng)
1	Xăng E5 RON 92	lít	1,01	12.955
2	Dầu Diezel 0,05S	lít	1,02	10.600
3	Điện	kWh	1,03	1622

+  $K_{NC}$ : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công theo công thức:

$$K_{NC} = \frac{L_{NC}^{KV}}{L_{NC}}$$

+  $L_{NC}$ : Mức lương cơ sở đầu vào đã tính trong bảng giá ca máy

\*  $L_{NC} = 2.300.000$  đ/tháng đối với các loại máy và thiết bị xây dựng của dự án đầu tư xây dựng;

\*  $L_{NC} = 1.725.000$  đ/tháng đối với các loại máy và thiết bị của công tác dịch vụ công ích đô thị.

+  $L_{NC}^{KV}$ : Mức lương đầu vào khu vực (1, 2, 3 hoặc 4) đối với các loại máy và thiết bị thi công xây dựng của dự án đầu tư xây dựng; mức lương đầu vào vùng (III, IV) đối với các loại máy và thiết bị của công tác dịch vụ công ích đô thị;

+ Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công ( $K_{NC}$ ) theo mức lương đầu vào, như sau:

\* Đối với dự án đầu tư xây dựng

TT	Tên khu vực	Huyện, thành phố	Mức lương cơ sở đầu vào $L_{NC}$ (đồng/tháng)	Hệ số điều chỉnh $K_{NC}$
1	Khu vực 1 (KV1)	Thành phố Quảng Ngãi, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành	2.300.000	1
2	Khu vực 2 (KV2)	Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Tịnh	2.400.000	1,043
3	Khu vực 3 (KV3)	Tây Trà	2.800.000	1,217
4	Khu vực 4 (KV4)	Lý Sơn	3.000.000	1,304

\* Đối với dịch vụ công ích đô thị

TT	Tên vùng	Huyện, thành phố	Mức lương cơ sở đầu vào $L_{NC}$ (đồng/tháng)	Hệ số điều chỉnh $K_{NC}$
1	Vùng III	Thành phố Quảng Ngãi, Bình Sơn, Sơn Tịnh	1.955.000	1,133
2	Vùng IV	Tur Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Ba Tơ, Tây Trà, Lý Sơn	1.725.000	1

6.5. Chi phí khác: Chi phí khác trong giá ca máy là các khoản chi phí cần thiết đảm bảo để máy hoạt động bình thường, có hiệu quả tại công trình, bao gồm:

- Bảo hiểm máy, thiết bị trong quá trình sử dụng;
- Bảo quản máy và phục vụ cho công tác bảo dưỡng kỹ thuật trong bảo quản máy;
- Đăng kiểm các loại;
- Di chuyển máy trong nội bộ công trình;
- Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến quản lý máy và sử dụng máy tại công trình chưa được tính trong các nội dung chi phí khác trong giá xây dựng công trình, dự toán xây dựng;

Chi phí khác được xác định theo hướng dẫn tại điểm 5 mục I Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng.

6.6. Định mức các hao phí (số ca năm, khấu hao, sửa chữa, tiêu hao nhiên liệu - năng lượng, nhân công điều khiển, chi phí khác) xác định theo Quyết định số 1134/QĐ-BXD.

7. Đối với những máy và thiết bị thi công chưa có trong Bảng giá ca máy này hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với yêu cầu sử dụng và điều kiện thi công của công trình thì chủ đầu tư, tổ chức tư vấn, nhà thầu căn cứ phương pháp xác định giá ca máy hướng dẫn tại Phụ lục 6 Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng và các điều kiện cụ thể của công trình, các thông số kỹ thuật của máy và thiết bị thi công và các quy định hiện hành của Nhà nước để xác định giá ca máy cho phù hợp với công trình làm cơ sở lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

8. Bảng giá ca máy này được công bố làm cơ sở để các tổ chức, cá nhân liên quan sử dụng, vận dụng, tham khảo trong xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và thay thế Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được công bố tại Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình UBND tỉnh giải quyết theo quy định./.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Phong**